

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/03/2025

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Bình và bà Lê Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/03/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 06/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST – HNGĐ ngày 26/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm: 2000 (Vắng mặt).

Quê quán: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Đăng ký HKTT: thôn D, xã C, huyện K, Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

HKTT, trú tại: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày: 05/10/2022.

HKTT: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu H1: Chị Đoàn Thị H và anh Hoàng Văn L là bố, mẹ của cháu.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Hoàng Văn Q, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn L, sinh năm 1989, trú tại thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã có thời gian chung sống với nhau trước khi được UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2022.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống cùng anh L tại thôn D, xã C. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không thống nhất được nơi ăn chốn ở cũng như việc làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bên cạnh đó, anh L rất ít quan tâm đến cuộc sống của vợ con, thường xuyên chơi bời, chị có tham gia nhưng anh L không thay đổi, bố mẹ anh L biết anh, chị xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng không động viên, khuyên bảo và tỏ thái độ không muốn vợ, chồng chị chung sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 12/2023 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh L, để chị sớm được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị khẳng định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022, hiện cháu ở cùng chị. Chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình và về đất ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2024, người làm chứng, ông Hoàng Văn Q trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn L, gia đình ông tổ chức cho anh L kết hôn cùng chị H vào năm 2022 trên cơ sở anh chị tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C. Sau khi cưới, vợ chồng anh, chị sinh sống cùng gia đình ông một thời gian nhưng cũng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong việc chọn nơi sinh sống, sau đó anh L đi làm ăn ở Hải Phòng nhưng vẫn đi về gia đình ông. Đến năm 2024, chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở Thái Bình sinh sống không quay trở lại gia đình ông nữa. Việc chị H xin ly hôn với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022. Về tài sản chung, về công nợ chung, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng không có gì liên quan, quá trình chung sống vợ chồng anh L không có đóng góp công sức gì với gia đình ông.

Gia đình ông có nhận được các văn bản trong quá trình giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh L, ông sẽ thông báo cho anh L được biết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/12/2024 tại UBND xã C xác định: Anh Hoàng Văn L kết hôn cùng chị Đoàn Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 20/5/2022. Nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị địa phương không nắm rõ nhưng từ cuối năm 2023 chị H đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở Thái Bình sinh sống. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng chính quyền địa phương không nắm rõ. Quan điểm về việc chị H xin ly hôn với anh L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo cơ sở dữ liệu về dân cư hiện chị Đoàn Thị H và anh Hoàng Văn L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm E, thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên và không thể hiện anh, chị có đăng ký tạm trú, tạm vắng ở địa phương nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần giao các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập anh L đến để giải quyết việc ly hôn với chị H, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vắng mặt do đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, việc đóng góp nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H, anh L đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 24/10/2024, chị Đoàn Thị H có đơn khởi kiện anh Hoàng Văn L, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Hoàng Văn L có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Kim Động thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị H và anh Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã C đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2022, do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết, chị H khẳng định quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2023, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau phù hợp với trình bày của bố đẻ anh L là ông Hoàng Văn Q cũng như kết quả xác minh tại địa phương. Quá trình giải quyết chị H cương quyết xin ly hôn, anh L đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến, không tham gia hòa giải và không thể hiện thiện chí vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh L.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022, hiện nay cháu đang ở với chị H. Quá trình giải quyết, chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, anh L vắng mặt chưa có quan điểm trình bày. Nguyên vọng được tiếp tục nuôi con chung của chị H là hoàn toàn chính đáng, cháu H1 thường xuyên sinh sống cùng chị H cuộc sống ổn định và đảm bảo, chị H có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, mặt khác cháu H1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình cần giao cháu H1 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của chị H, cũng như phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị H không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung và anh L chưa có quan điểm trình bày nên không đặt ra xem xét giải quyết, khi nào anh, chị có yêu cầu sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác. Sau khi ly hôn anh L có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Do chị H không yêu cầu và anh L vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử;

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Hoàng Thu H1, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Đoàn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc đóng góp nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào anh Hoàng Văn L, chị Đoàn Thị H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0001743, ngày 25/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Kim Động;
- Các đương sự;
- UBND xã Chính Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện KĐ;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh

Số: 48 /HNGĐST - BBNA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Ông Đào Duy T.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T1 và bà Lê Thị O.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/ TLST-HNGĐ, ngày 06/02/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983.

HKTT, trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn M, sinh năm 1987.

HKTT, trú tại: khu G, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Đào Nguyễn Hoàng A, sinh ngày: 20/01/2021.

HKTT: khu G, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người giám hộ cho cháu A: Anh Đào Văn M và chị Nguyễn Thị H2 là bố, mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- *Về điều luật áp dụng:* Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H2 được ly hôn với anh Đào Văn M.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Đào Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 20/01/2021 cho chị Nguyễn Thị H2 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H2 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0008119, ngày 06/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị H2 đã thi hành xong phần án phí.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Duy Trinh